

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 19 – 01 – 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hùng
Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 413/2020/TLST – DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 287, đường N, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Q, sinh năm 1984 và bà Y, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà B, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt, ông Q và bà B xin vắng mặt, bà Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông T trình bày: Ngày 11/12/2019, ông Q và bà Y có vay của ông số tiền 180.000.000đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay là để kinh doanh. Khi vay tiền, ông Q có thể chấp cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 309284 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp cho bà B ngày 13/7/2010, ông Q nói bà B là mẹ ruột ông Q, sau này ông mới biết bà B là cô ruột ông Q. Từ lúc vay đến nay ông Q và bà Y không trả cho ông bất kì số tiền gốc và tiền lãi nào. Vào ngày

30/7/2020, Tòa án tổ chức hòa giải, giữa ông với ông Q và bà Y có thỏa thuận ông Q và bà Y trả cho ông số tiền nợ nêu trên trong thời hạn 06 tháng (ngày cuối cùng trả nợ là 30/01/2021) nhưng đến nay ông Q và bà Y vẫn chưa trả bất kỳ số tiền nào. Nay ông T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Q và bà Y trả cho ông T số tiền đã vay là 180.000.000đồng, ông T không yêu cầu tiền lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2020, bị đơn ông Q và bà Y trình bày: Ông Q và bà Y xác định có vay ông T số tiền 180.000.000đồng vào ngày 11/12/2019 với mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay là 04 tháng. Để được vay tiền, ông Q đã thế chấp cho ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên B, bà B là cô ruột của ông Q. Nay ông T yêu cầu ông Q và bà Y trả số tiền đã vay là 180.000.000đồng, ông Q và bà Y đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông T và bà Y xin trả số nợ trong thời hạn 06 tháng, tức là ngày 30/01/2021.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B trình bày: Ông Q là cháu ruột của bà, việc ông Q tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà thế chấp cho ông T để vay tiền bà hoàn toàn không biết, đến khi Tòa án mời làm việc thì bà mới biết. Việc ông Q và bà Y vay tiền của ông T thì ông Q và bà Y có trách nhiệm trả cho ông T. Đối với chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên, mà ông Q đã thế chấp cho ông T bà không có yêu cầu nhận lại. Khi nào cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà sẽ khởi kiện sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và được bị đơn đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà B do không có yêu cầu nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa và kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu ông Q và bà Y trả số tiền đã vay. Ông Q và bà Y hiện đang cư

trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện và theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[3] Về thủ tục tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà Y và bà Bon.

[4] Các đương sự có mặt tại phiên tòa không xuất trình, giao nộp bổ sung thêm chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lời khai nhận của các đương sự tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[5] Về nội dung ông T yêu cầu ông Q và bà Y trả số tiền đã vay là 180.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019 và không yêu cầu tính lãi suất. Ông Q, bà Y thừa nhận có vay tiền của ông T với số tiền 180.000.000đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, tại hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019, ông Q và bà Y có vay số tiền là 180.000.000đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của ông T, đây là hợp đồng dân sự được giao kết giữa ông T với ông Q và bà Y. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền là 180.000.000đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất 3%/tháng. Ngày 11/4/2020 là đến hạn trả nợ nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên đã vay của nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019, nên Hội đồng xét xử không xét tiền lãi suất đối với số tiền 180.000.000đồng.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà B do không có yêu cầu nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Q đã tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B để thế chấp cho ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Buộc ông Q và bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000đồng (chín triệu đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

2. Buộc ông Q và bà Y có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay nợ là 180.000.000đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Ông Q và bà Y phải chịu 9.000.000đồng (chín triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005767 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc

